

Hà Nội, ngày 17 tháng 12 năm 2021

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
(theo định hướng ứng dụng)**

*(Ban hành theo Quyết định số 496/QĐ - BGH ngày 17 tháng 12 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội)*

1. MỘT SỐ THÔNG TIN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Tên ngành đào tạo:

Tên Tiếng Việt:

Quản lý kinh tế

Tên Tiếng Anh:

Economic Management

1.2. Mã số ngành đào tạo:

8.310.110

1.3. Đơn vị đào tạo và cấp bằng:

Trường ĐH Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội

1.4. Tên văn bằng tốt nghiệp:

Tên tiếng Việt:

Thạc sĩ Quản lý kinh tế

Tên tiếng Anh:

Master of Economic Management

1.5. Trình độ đào tạo:

Thạc sĩ

1.6. Hình thức đào tạo:

Chính quy

1.7. Thời gian đào tạo:

02 năm

1.8. Ngôn ngữ đào tạo:

Tiếng Việt

2. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế theo định hướng ứng dụng; có kiến thức thực tế, kiến thức lý thuyết sâu, rộng ở mức độ làm chủ kiến thức thuộc lĩnh vực quản lý kinh tế, từ đó biết tổng hợp, phân tích đánh giá phản biện dữ liệu và thông tin, đưa ra giải pháp xử lý về các vấn đề liên quan đến ngành Quản lý kinh tế một cách khoa học; có kỹ năng phản biện, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin một cách khoa học và tiên tiến; kỹ năng nghiên cứu phát triển, đổi mới và sử dụng các công nghệ phù hợp trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp; kỹ năng truyền bá, phổ

biến tri thức trong các lĩnh vực chuyên môn; có năng lực tự định hướng, thích nghi với môi trường nghề nghiệp thay đổi; có khả năng hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ; đồng thời người học có khả năng tổ chức, quản trị, quản lý, cải tiến để nâng cao các hoạt động nghề nghiệp trong lĩnh vực quản lý kinh tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Mã số	Nội dung mục tiêu
PG1	Nắm chắc các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực quản lý kinh tế; <i>có kiến thức thực tế sâu rộng, tiên tiến</i> về kinh tế và quản lý kinh tế; kiến thức liên ngành có liên quan và nâng cao năng lực ứng dụng trong thực tiễn. Phát triển tư duy phản biện, làm chủ kiến thức để có thể giải quyết những tình huống và các vấn đề thực tiễn của các cơ quan quản lý Nhà nước và các tổ chức kinh tế trong môi trường toàn cầu hóa; <i>có trình độ tin học tốt</i> để có thể khai thác, sử dụng các công cụ hỗ trợ hiện đại vào phân tích các vấn đề kinh tế và quản lý kinh tế.
PG2	<i>Có kỹ năng phản biện, phân tích, tổng hợp, đánh giá</i> dữ liệu và thông tin, đưa ra giải pháp xử lý phù hợp đối với các vấn đề thực tiễn phát sinh trong lĩnh vực quản lý kinh tế; đồng thời, biết trao đổi, thảo luận các vấn đề chuyên môn về lĩnh vực quản lý kinh tế với những người khác; Có kỹ năng cần thiết về quản lý kinh tế như kỹ năng hoạch định chính sách, lập kế hoạch và tổ chức thực thi chiến lược, chương trình, chính sách quản lý kinh tế ở tầm quốc gia, địa phương, vùng, ngành và các tổ chức kinh tế - xã hội. <i>Có năng lực ngoại ngữ</i> để phục vụ quá trình nghiên cứu, trao đổi học thuật và công việc.
PG3	Có năng lực đánh giá, đưa ra những giải pháp và kiến nghị phù hợp thực tiễn; đồng thời có khả năng thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác trong lĩnh vực quản lý kinh tế. Có khả năng sáng tạo, tổ chức các công việc quản lý một cách độc lập tại các cơ quan quản lý Nhà nước; khả năng tổ chức, phối hợp và làm việc theo nhóm, phát triển nhóm để thực hiện các công việc được giao một cách hiệu quả. Có đạo đức nghề nghiệp về lĩnh vực quản lý kinh tế; biết đưa ra và chịu trách nhiệm đối với các giải pháp và kiến nghị đề xuất.

3. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Nội dung chuẩn đầu ra

CĐR	Mã CĐR	Nội dung
Về kiến thức	PLO1	Vận dụng các kiến thức lý thuyết và thực tiễn sâu, rộng, tiên tiến về quản lý kinh tế để đánh giá dữ liệu và thông tin các vấn đề trong quản lý kinh tế, đề xuất các giải pháp, chính sách phù hợp.
	PLO2	Vận dụng các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực quản lý kinh tế để phân biện, phân tích, tổng hợp trong hoạt động nghề nghiệp, từ đó đưa ra các dự báo kinh tế, lựa chọn về đầu tư, về quản lý kinh tế theo vùng, lãnh thổ và theo ngành.
	PLO3	Áp dụng kiến thức liên ngành, kiến thức về quản trị, quản lý để hoạch định chiến lược và phân biện chính sách phát triển kinh tế và kinh doanh ở góc độ vi mô và vĩ mô trong bối cảnh hội nhập.
Về kỹ năng	PLO4	Có kỹ năng phân tích, đánh giá dữ liệu thực tiễn để đưa ra giải pháp khoa học nhằm xử lý các vấn đề thực tế phát sinh trong lĩnh vực quản lý kinh tế, đặc biệt là rủi ro trong quản lý kinh tế; có khả năng thực hành nghề nghiệp về lĩnh vực quản lý kinh tế một cách thành thạo.
	PLO5	Có kỹ năng xây dựng, hoạch định, tổ chức thực thi, phân tích và đánh giá các chính sách, chiến lược, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế – xã hội và kinh doanh.
	PLO6	Có kỹ năng sử dụng các công cụ hỗ trợ: thống kê, các kỹ thuật phân tích và ứng dụng công nghệ một cách sáng tạo để giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn quản lý kinh tế; kỹ năng giao tiếp, đàm phán, làm việc nhóm...
	PLO7	Kỹ năng lập luận, tư duy phản biện theo hệ thống, nghiên cứu, phát hiện và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn quản lý kinh tế.
	PLO8	Có trình độ ngoại ngữ bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. (Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 20/08/2021 Ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Thạc sĩ)
Mức tự chủ và trách nhiệm	PLO9	Có năng lực nghiên cứu, đưa ra những giải pháp, sáng kiến quan trọng trong quản lý kinh tế.
	PLO10	Có khả năng thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác trong lĩnh vực quản lý kinh tế.
	PLO11	Có khả năng đưa những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực đầu tư, quản lý kinh tế.
	PLO12	Có năng lực quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động nghề nghiệp trong thực tiễn.

3.2. Ma trận kết nối giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Ma trận giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra để đảm bảo kết nối liên thông giữa mục tiêu cần đạt của CTĐT với các mốc chuẩn đầu ra nhằm giúp cho việc lượng hóa và đánh giá hiệu quả khi triển khai của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế

CHUẨN ĐẦU RA	MÃ CHUẨN ĐẦU RA	MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO		
		PG1	PG2	PG3
Về kiến thức	PLO1	3		1
	PLO2	3		1
	PLO3	3		1
Về kỹ năng	PLO4		3	2
	PLO5		3	2
	PLO6		3	2
	PLO7		3	2
	PLO8		3	2
Về mức tự chủ và trách nhiệm	PLO9	1	2	3
	PLO10	1	2	3
	PLO11	1	2	3
	PLO12	1	2	3

Ghi chú: 1: Mức độ 1 là có liên quan, kết nối.
2: Mức độ 2 là liên hệ, kết nối tương đối chặt.
3: Mức độ 3 là liên hệ, kết nối chặt chẽ

4. VỊ TRÍ VIỆC LÀM SAU KHI TỐT NGHIỆP

Nhóm 1: Cán bộ lãnh đạo, quản lý kinh tế tại các cơ quan quản lý nhà nước các cấp, bộ, ngành và địa phương

Có năng lực hoạch định, triển khai các chính sách kinh tế ở cả cấp độ vĩ mô và vi mô vào thực tế trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế. Đây chính là một nguồn nhân lực quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về kinh tế của Việt Nam trong quá trình đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Nhóm 2: Nhà quản lý kinh tế tại các tổ chức, doanh nghiệp

Có kỹ năng triển khai các công cụ quản lý kinh tế vào thực tiễn, trên cơ sở thực thi quản lý, có thể đánh giá và phân biện các chính sách kinh tế của nhà nước, các

chương trình, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế của các tổ chức kinh tế công và tư, góp phần giúp các cơ quan nhà nước thực thi quản lý kinh tế ngày càng hiệu quả hơn.

Nhóm 3: Các chuyên gia tư vấn thực thi chính sách cho các doanh nghiệp, cơ quan quản lý

Có kỹ năng phân tích chính sách, trên cơ sở đó tư vấn giúp các doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước thực hiện đúng các chủ trương, chính sách kinh tế của nhà nước.

Nhóm 4: Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Thạc sĩ quản lý kinh tế theo định hướng ứng dụng sau khi tốt nghiệp có thể học bổ sung một số kiến thức cơ sở ngành và phương pháp nghiên cứu theo yêu cầu của chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ và tiếp tục học tập nâng cao trình độ ở bậc học tiến sĩ khi đáp ứng đủ các điều kiện xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo.

5. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ			Học phần tiên quyết	Đơn vị phụ trách
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành		
1	KIẾN THỨC CHUNG		12				
1.1	Phương pháp luận (Triết và Logic học)	281001 281002	4	2	2		Khoa Triết & KHXH
1.2	Phương pháp nghiên cứu Khoa học	331001	2	1	1		Viện Đào tạo SDH
1.3	Tiếng Anh	231030	6	3	3		Ngôn ngữ Anh
2	KIẾN THỨC NGÀNH						
A	Bắt buộc		23				
2.1	Kinh tế Mác ứng dụng trong quản lý	091001	2	1.5	0.5		Khoa Kinh tế
2.2	Kinh tế học vi mô ứng dụng trong quản lý	091002	2	1.5	0.5		Khoa Kinh tế
2.3	Khoa học quản lý	121012	2	1.5	0.5		Khoa QLKD
2.4	Quản lý Nhà nước về kinh tế	091014	3	1.5	1.5	Khoa học quản lý	Khoa Kinh tế
2.5	Phân tích, đánh giá chính sách kinh tế - xã hội	091015	3	1.5	1.5		Khoa Kinh tế
2.6	Quản lý Nhà nước về kinh tế - đối ngoại	091005	2	1	1		Khoa Kinh tế
2.7	Thống kê ứng dụng trong kinh tế	091006	2	1	1		Khoa Kinh tế
2.8	Đàm phán và giải quyết	091016	2	1	1		Khoa

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ			Học phần tiên quyết	Đơn vị phụ trách
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành		
	xung đột						Kinh tế
2.9	Thế chế kinh tế thị trường	091008	2	1	1		Khoa Kinh tế
2.10	Phát triển kinh tế vùng địa phương	091017	2	1	1		Khoa Kinh tế
	Báo cáo các chủ đề thực tế về sự phát triển của ngành, chuyên ngành, CMCN 4.0 ảnh hưởng đến ngành và chuyên ngành trong nước và quốc tế		1	0	1		Khoa Kinh tế
B	Tự chọn (chọn 6/ 17 học phần)		18				
2.11	Kinh tế phát triển	091018	3	1.5	1.5		Khoa Kinh tế
2.12	Kỹ năng quản lý	091019	3	1.5	1.5		Khoa Kinh tế
2.13	Xã hội học trong quản lý kinh tế	091020	3	1.5	1.5		Khoa Kinh tế
2.14	Quản lý sự thay đổi	091021	3	1.5	1.5		Khoa Kinh tế
2.15	Hội nhập kinh tế quốc tế và toàn cầu hóa	091022	3	1.5	1.5		Khoa Kinh tế
2.16	Kinh tế đầu tư	091023	3	1.5	1.5		Khoa Kinh tế
2.17	Kinh tế công cộng	091024	3	1.5	1.5		Khoa Kinh tế
2.18	Quản lý khoa học và công nghệ	091025	3	1.5	1.5		Khoa Kinh tế
2.19	Quản lý rủi ro	091026	3	1.5	1.5		Khoa Kinh tế
2.20	Tài chính và Tiền tệ	111020	3	1.5	1.5		Khoa Ngân hàng
2.21	Tài chính công	151024	3	1.5	1.5		Khoa Tài chính
2.22	Môi trường và phát triển bền vững	091027	3	1.5	1.5		Khoa Kinh tế
2.23	Quản trị doanh nghiệp	121013	3	1.5	1.5		Khoa QLKD
2.24	Kinh tế Công nghiệp	091028	3	1.5	1.5		Khoa Kinh tế
2.25	Kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn	091029	3	1.5	1.5		Khoa Kinh tế
2.26	Kinh tế thương mại và dịch vụ	091030	3	1.5	1.5		Khoa Kinh tế
2.27	Chính sách và các vấn đề tài chính quốc tế	091031	3	1.5	1.5		Khoa Kinh tế
3	Đề án tốt nghiệp	091999	07				

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ			Học phần tiên quyết	Đơn vị phụ trách
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành		
	TỔNG SỐ		60				

6. MA TRẬN KẾT NỐI CÁC HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA

TT	Chuẩn đầu ra Tên học phần	Mã học phần	CĐR về kiến thức			CĐR về kỹ năng					CĐR mức tự chủ và trách nhiệm			
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
1.	KIẾN THỨC CHUNG													
1.1	Phương pháp luận (Triết và Logic học)	281001 281002			1				2		1			
1.2	Phương pháp nghiên cứu Khoa học	331001			2				2		2			
1.3	Tiếng Anh	231030								1	1			
2	KIẾN THỨC NGÀNH													
A	Bắt buộc													
2.1	Kinh tế Mác ứng dụng trong quản lý	091001			1				2		1			
2.2	Kinh tế học vi mô ứng dụng trong quản lý	091002			1				2		1			
2.3	Khoa học quản lý nâng cao	121012			2				2		2			
2.4	Quản lý Nhà nước về kinh tế	091014	2	3		2			3		3		3	2
2.5	Phân tích, đánh giá chính sách kinh tế - xã hội	091015	2	3		2	3	2			3		3	2
2.6	Quản lý Nhà nước về kinh tế đối ngoại	091005	1	2		3			2			2	2	1
2.7	Thống kê ứng dụng trong kinh tế	091006	1					2			1			
2.8	Đàm phán và giải quyết xung đột	091016	2			1		2			1	2		
2.9	Thế chế kinh tế thị trường	091008	2			1			2			2		1
2.10	Phát triển kinh tế vùng địa phương	091017			2	1			2				2	1
	Báo cáo các chủ đề thực tế về sự phát triển của ngành, chuyên ngành, CMCN 4.0 ảnh hưởng đến ngành và chuyên ngành trong nước và quốc tế				3	3		3	3		3	3	2	
B	Tự chọn (chọn 6/17 học phần)	18												
2.11	Kinh tế phát triển	091018		2	3	2			2		1		3	1
2.12	Kỹ năng quản lý	091019	2					3	2		1	2		1
2.13	Xã hội học trong	091020	2		3			3	2			3		1

TT.	Chuẩn đầu ra	Mã học phần	CĐR về kiến thức			CĐR về kỹ năng					CĐR mức tự chủ và trách nhiệm			
	Tên học phần		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
	quản lý kinh tế													
2.14	Quản lý sự thay đổi	091021	2		2	2		2	2			2		1
2.15	Hội nhập kinh tế quốc tế và toàn cầu hóa	091022	2		3	2			3			2	2	2
2.16	Kinh tế đầu tư	091023	1	3		2	3					2	3	2
2.17	Kinh tế công cộng	091024	1		3	2			2				2	1
2.18	Quản lý khoa học và công nghệ	091025	1		3	2			2		2			2
2.19	Quản lý rủi ro	091026	2		2		2		3			2		2
2.20	Tài chính và Tiền tệ	111020	2		3	2			2				2	2
2.21	Tài chính công	151024	2		3	2			2				2	2
2.22	Môi trường và phát triển bền vững	091027	1		3	2			2				2	1
2.23	Quản trị doanh nghiệp	121013	1		2	2			2		3		2	1
2.24	Kinh tế Công nghiệp	091028	1		2	2			2		2		2	1
2.25	Kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn	091029	1		2	2			2			2	2	1
2.26	Kinh tế thương mại và dịch vụ	091030	1		2	2			2		2		2	1
2.27	Chính sách và các vấn đề tài chính quốc tế	091031	1		3		3		2			3	2	2
	Đề án tốt nghiệp	091999	3	3	3	3	3	2	2		2	3	2	2

Ghi chú: Thuật ngữ viết tắt:

- PLO: Program Learning Outcomes- Chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo
- PG: Program Goals- Mục tiêu của Chương trình đào tạo
- CĐR: Chuẩn đầu ra
- CTĐT: Chương trình đào tạo

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH DOANH
VÀ CÔNG NGHỆ
HÀ NỘI
GS.TS. Vũ Văn Hoá